

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LÂM HÀ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 35/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 26/4/2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Thu Hà.

2. Bà Thạch Thị L Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST - HNGĐ ngày 07/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị L có mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, cách sống.

Không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Anh L thường xuyên cờ bạc, rượu chè không cùng chị làm ăn chăm lo cho con cái, gia đình. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện đề vợ chồng có thể hàn gắn lại tình cảm, tìm lại tiếng nói chung nhưng không được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/4/2013 và cháu Nguyễn Tiến L, sinh ngày 17/02/2017. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với anh Nguyễn Tiến L nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L. Xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến L được ly hôn. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/4/2013 và cháu Nguyễn Tiến L, sinh ngày 17/02/2017 cho chị L có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.600.000đ/tháng/02 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Tiến L vắng mặt lần thứ 02 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh L theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2012 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/5/2012 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh L. Chị L cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, cách sống. Không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Anh L thường xuyên cờ bạc, rượu chè không cùng chị làm ăn chăm lo cho con cái, gia đình. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện để vợ chồng có thể hàn gắn lại tình cảm, tìm lại tiếng nói chung nhưng không được. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh L cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Bên cạnh đó vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu nhưng trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng anh chị cũng không cải thiện được. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L và anh L được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị L xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/4/2013 và cháu Nguyễn Tiến L, sinh ngày

17/02/2017. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung.

Xét thấy từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân cho đến nay các con chung đều do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Bên cạnh đó hiện nay cháu Tân đã trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở với chị L. Do đó, để ổn định về tâm sinh lý của trẻ cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/4/2013 (theo nguyện vọng của con) và cháu Nguyễn Tiến L, sinh ngày 17/02/2017 cho chị L có trách nhiệm trực tiếp chăm nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay chị L yêu cầu anh L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.000.000đ/tháng/cháu.

Theo quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:

“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động.....trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng”.

Đối chiếu với quy định trên thì yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị L là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên Tòa hôm nay chị L xác định hiện nay chị không biết thu nhập thực tế của anh L là bao nhiêu. Đồng thời Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về công việc, thu nhập của anh L tuy nhiên do vợ chồng anh L, chị L mới chuyển về địa phương sinh sống nên địa phương cũng không biết công việc cũng như thu nhập của anh L. Nên chỉ có cơ sở xem xét chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.600.000đ/tháng/02 cháu là hoàn toàn phù hợp.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Buộc anh Nguyễn Tiến L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tiến L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tiến T, sinh ngày 30/4/2013 (theo nguyện vọng của con) và cháu Nguyễn Tiến L, sinh ngày 17/02/2017 cho chị L có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.600.000đ/tháng/02 cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0014973 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tiến L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hữu Dũng